

Số: 101/QĐ-TCNTH

Hà nội, ngày 05 tháng 8 năm 2024

**QUYẾT ĐỊNH**  
**Công khai quyết toán ngân sách năm 2023**  
**của Trường trung cấp nghề Tổng hợp Hà Nội**

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi bổ sung một số điều của thông tư 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính, hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ vào quyết định số 1126/QĐ-LĐTĐ ngày 21 tháng 12 năm 2022 của Sở Lao động TB&XH Hà Nội. Về việc giao chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế và dự toán thu - chi ngân sách năm 2023.

Căn cứ thông báo số 2654 TB-SLĐTBXH ngày 22/7/2024 của Sở Lao động Thương binh và Xã hội Hà Nội về việc thông báo xét duyệt quyết toán ngân sách nhà nước năm 2023

Căn cứ Quyết định số 2461/QĐ-UBND ngày 01/6/2011 của UBND thành phố Hà Nội về việc phê duyệt điều lệ Trường Trung cấp nghề Tổng hợp Hà Nội.

Căn cứ vào quyền hạn, nhiệm vụ của Hiệu trưởng nhà trường.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều I:** Công bố công khai số liệu quyết toán thu, chi ngân sách nhà nước, nguồn khác năm 2023 của Trường Trung cấp nghề Tổng hợp Hà Nội (theo biểu số 04 đính kèm).

**Điều II:** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

**Điều III:** Các đồng chí trong Ban giám hiệu, trưởng phó phòng khoa chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Sở LĐTB&XH
- Các phòng, khoa
- Lưu: VT



HIỆU TRƯỞNG  
*Khuất Huy Bằng*

Đơn vị: Trường TCN Tổng Hợp Hà Nội

Chương: 424

**QUYẾT TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC năm 2023**

(Kèm theo Quyết định số 101/QĐ- TCNTH ngày 05 / 8/ 2024 của trường TCN Tổng hợp Hà Nội)

(Dùng cho đơn vị dự toán cấp trên và đơn vị dự toán sử dụng ngân sách nhà nước)

ĐV tính: Triệu đồng

Số TT	Nội dung	Tổng số liệu báo cáo quyết toán	Tổng số liệu quyết toán được duyệt	Chênh lệch	Số quyết toán được duyệt chi tiết từng đơn vị trực thuộc (nếu có đơn vị trực thuộc)
1	2	3.00	4.00	5=4-3	6
<b>A</b>	<b>Quyết toán thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí</b>				
<b>I</b>	<b>Số thu phí, lệ phí</b>				
1	Lệ phí				
2	Phí				
<b>II</b>	<b>Chi từ nguồn thu phí được khấu trừ hoặc để lại</b>				
<b>I</b>	<b>Chi sự nghiệp.....</b>				
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
<b>2</b>	<b>Chi quản lý hành chính</b>				
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ				
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ				
<b>III</b>	<b>Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước</b>				
<b>I</b>	<b>Lệ phí</b>				
2	Phí				
<b>B</b>	<b>Quyết toán chi ngân sách nhà nước</b>				
<b>I</b>	<b>Nguồn ngân sách trong nước</b>				
<b>1</b>	<b>Chi quản lý hành chính</b>				
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ				
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ				
<b>2</b>	<b>Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ</b>				
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ				
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia				
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ				
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở				
2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng				
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
<b>3</b>	<b>Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề</b>	<b>23,622.49</b>	<b>23,622.49</b>		
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề	<b>10,451.49</b>	<b>10,451.49</b>		
	<b>Chi thực hiện nhiệm vụ dạy nghề</b>	<b>10,451.49</b>	<b>10,451.49</b>		
	Chi thường xuyên trong định mức - Nhóm 0500	10,451.49	10,451.49		

Số TT	Nội dung	Tổng số liệu báo cáo quyết toán	Tổng số liệu quyết toán được duyệt	Chênh lệch	Số quyết toán được duyệt chi tiết từng đơn vị trực thuộc (nếu có đơn vị trực thuộc)
	Mục 7766 ( Cấp bù học phí cho cơ sở giáo dục đào tạo theo chế độ )	10,451.49	10,451.49		
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	<b>13,171.00</b>	<b>13,171.00</b>		
	Mục 6550 ( Vật tư văn phòng )	-	-		
	Mục 6650 ( Hội nghị )	-	-		
	Mục 6750 ( Chi phí thuê mướn )	-	-		
	Mục 6900 ( Chi sửa chữa tài sản thường xuyên )	12,271.00	12,271.00		
	Mục 6950 ( Mua sắm tài sản phục vụ công tác chuyên môn )	-	-		
	Mục 7000 ( Chi phí nghiệp vụ chuyên môn )	900.00	900.00		
<b>4</b>	<b>Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình</b>				

Ngày 05 tháng 8 năm 2024

Người lập



Nguyễn Thị Minh Hằng

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ



HIỆU TRƯỞNG  
*Khuất Huy Bằng*

UBND THÀNH PHỐ HÀ NỘI  
SỞ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH  
VÀ XÃ HỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 2654 /TB - SLĐT BXH

Hà Nội, ngày 22 tháng 7 năm 2024

## THÔNG BÁO

### Xét duyệt quyết toán ngân sách năm 2023

**Đơn vị được thông báo: Trường Trung cấp nghề Tổng hợp Hà Nội**

**Mã số chương: 424**

Căn cứ Thông tư số 137/2017/TT-BTC ngày 25/12/2017 của Bộ Tài chính về việc quy định xét duyệt, thẩm định, thông báo, và tổng hợp quyết toán năm;

Căn cứ Báo cáo quyết toán và thuyết minh báo cáo quyết toán năm 2023 của Trường Trung cấp nghề Tổng hợp Hà Nội; Biên bản xét duyệt quyết toán ngân sách năm 2023 giữa Sở Lao động - Thương binh và Xã hội Hà Nội và Trường Trung cấp nghề Tổng hợp Hà Nội.

Sở Lao động - Thương binh và Xã hội Hà Nội thông báo xét duyệt quyết toán ngân sách năm 2023 (không gồm quyết toán vốn đầu tư xây dựng cơ bản) của Trường Trung cấp nghề Tổng hợp Hà Nội như sau:

#### I. Phần số liệu:

##### 1. Số liệu quyết toán:

###### a) Quyết toán thu phí, lệ phí:

Năm 2023, đơn vị không được giao dự toán thu, chi phí, lệ phí và trong năm cũng không phát sinh các khoản thu này.

###### b) Quyết toán chi ngân sách nhà nước:

*Nguồn ngân sách trong nước*

- Số dư kinh phí năm trước chuyển sang: 0 đồng.

- Dự toán được giao trong năm: 24.155.000.000 đồng, trong đó:

+ Dự toán giao đầu năm: 30.088.000.000 đồng.

+ Dự toán cắt giảm trong năm: 5.933.000.000 đồng.

2

- Kinh phí được sử dụng trong năm: 24.155.000.000 đồng.
- Kinh phí thực nhận trong năm: 23.622.490.000 đồng.
- Kinh phí quyết toán: 23.622.490.000 đồng.
- Kinh phí giảm trong năm: 532.510.000 đồng.

*Trong đó: Dự toán bị hủy tại kho bạc: 532.510.000 đồng.*

- Số dư kinh phí được chuyển sang năm sau sử dụng và quyết toán: 0 đồng, bao gồm:

- + Kinh phí đã nhận: 0 đồng.
  - + Dự toán còn dư ở Kho bạc: 0 đồng (Kinh phí chi thường xuyên).
- (Số liệu chi tiết theo Mẫu biểu 2c).*

## **2. Tình hình thực hiện kiến nghị kiểm toán, thanh tra, cơ quan tài chính :**

Năm 2023, đơn vị không có thanh tra, kiểm toán.

- Tổng số kinh phí phải nộp NSNN: 0 đồng.
- Tổng số kinh phí đã nộp NSNN: 0 đồng.
- Tổng số kinh phí còn phải nộp NSNN: 0 đồng.

## **3. Thuyết minh số liệu quyết toán:**

- Về tình hình quyết toán ngân sách đối với các chỉ tiêu, nhiệm vụ được giao: Số học sinh tuyển mới: 706 học sinh, Số học sinh tốt nghiệp: 780 học sinh. Số học sinh miễn giảm bình quân là 1.304 học sinh.

- Về tình hình quyết toán ngân sách theo từng nội dung, nhiệm vụ chi:

<b>Nội dung</b>	<b>Dự toán giao</b>	<b>Số quyết toán</b>
Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên:	10.954.000.000 đồng	10.451.490.000 đồng
Trong đó: Kinh phí cấp bù miễn giảm học phí	10.954.000.000 đồng	10.451.490.000 đồng
Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên. Trong đó:	13.201.000.000 đồng	13.171.000.000 đồng
+ Chi nghiệp vụ: Kinh phí xây dựng, chỉnh sửa chương trình	900.000.000 đồng	900.000.000 đồng

giáo trình		
+ Chi mua sắm, sửa chữa tài sản cố định	30.000.000 đồng	0 đồng
+ Chi sửa chữa, cải tạo các công trình:	12.271.000.000 đồng	12.271.000.000 đồng

- Về chi tiết kinh phí chuyển sang năm sau 0 đồng, kinh phí hủy dự toán: 532.510.000 đồng.

+ Nguồn kinh phí nhiệm vụ thường xuyên: Số hủy dự toán là 502.510.000 đồng.

+ Nguồn kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên: Số hủy dự toán là 30.000.000 đồng, bao gồm: Kinh phí mua sắm, sửa chữa tài sản cố định: 30.000.000 đồng.

- Về tình hình tăng, giảm biên chế:

Biên chế có mặt 01/01/2023: 26 người (viên chức: 22 người, lao động hợp đồng theo ND 111/2022/NĐ-CP: 04 người). Biên chế có mặt đến 31/12/2023: 25 người (viên chức: 21 người, lao động hợp đồng theo ND 111/2022/NĐ-CP: 04 người).

- Nguồn thu từ hoạt động sản xuất kinh doanh, dịch vụ: 11.409.259.954 đồng. Trong đó: Thu từ kinh phí cấp bù miễn giảm học phí là 10.451.490.000 đồng; Thu khác là 957.769.954 đồng.

- Nguồn thu từ hoạt động khác: 29.119.000 đồng.

## II. Nội dung đối chiếu số liệu kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh, dịch vụ:

Kết quả chênh lệch thu lớn hơn chi trong năm: 74.283.937 đồng, trong đó:

- Nộp NSNN: 17.157.302 đồng.

- Sử dụng kinh phí tiết kiệm của cơ quan hành chính: 0 đồng.

- Trích lập các quỹ: 57.126.635 đồng.

- Kinh phí cải cách tiền lương: 0 đồng.

(Chi tiết theo biểu 2b đính kèm).

### III. Nhận xét và kiến nghị:

#### 1. Nhận xét:

- Về chấp hành thời hạn nộp báo cáo quyết toán: Báo cáo nộp đúng thời gian quy định.

- Về các mẫu biểu báo cáo quyết toán: Các biểu mẫu báo cáo đầy đủ, đúng biểu mẫu quy định tại Thông tư số 107/2017/TT-BTC ngày 10/10/2017 của Bộ Tài chính;

- Về chấp hành các quy định của Nhà nước:

+ Chứng từ kế toán sạch sẽ, rõ ràng, lập theo mẫu quy định tại Thông tư số 107/2017/TT-BTC ngày 10/10/2017 của Bộ Tài chính. Tuy nhiên, một số chứng từ trong gói thầu dự án lưu tại đơn vị còn thiếu ngày tháng.

+ Sổ sách kế toán đầy đủ, đúng mẫu quy định; số liệu đảm bảo đầy đủ khớp đúng.

+ Chấp hành chế độ chi cơ bản đảm bảo theo quy định của Nhà nước và quy chế chi tiêu nội bộ của đơn vị.

+ Thực hiện mua sắm tài sản cơ bản theo đúng quy định.

+ Thực hiện nghĩa vụ với ngân sách nhà nước: Đơn vị đã thực hiện nộp thuế.

+ Đơn vị còn tồn tiền tiếp nhận của tổ chức viện trợ chưa được UBND phê duyệt, số tiền 45.801.300 đồng.

- Đơn vị thực hiện công khai dự toán năm 2023 và công khai số liệu quyết toán năm 2022 theo đúng quy định tại Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính về hướng dẫn công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ và Thông tư số 90/2018/TT-BTC sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC.

- Về thực hiện các kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước, thanh tra và cơ quan tài chính: Đối với phần chênh lệch số kinh phí NSNN đã cấp năm 2022 để thực hiện miễn giảm cho học sinh sinh viên thuộc diện chính sách áp dụng theo Nghị định 81/2021/NĐ-CP so với Nghị quyết số 165/NQ-CP là 6.742.760.000 đồng, đơn vị đã giảm trừ vào dự toán năm 2023.

## 2. Kiến nghị:

- Đơn vị đề xuất giải pháp giải quyết vướng mắc nguồn viện trợ.  
- Rà soát lại toàn bộ báo cáo, sổ sách, điều chỉnh hạch toán, rà soát chứng từ đảm bảo đầy đủ, chặt chẽ theo đúng quy định.

- Rà soát, bổ sung quy chế chi tiêu nội bộ của đơn vị; Trong quá trình thực hiện quy chế trong năm, khi phát sinh thay đổi về chính sách, chế độ hoặc các văn bản quy phạm thay đổi thì đơn vị kịp thời sửa đổi bổ sung quy chế.

- Về quản lý, sử dụng và tính hao mòn đối với tài sản cố định: Đề nghị đơn vị thực hiện theo đúng quy định tại Thông tư số 144/2017/TT-BTC ngày 29/12/2017 về việc hướng dẫn một số nội dung của Nghị định số 151/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của luật quản lý sử dụng tài sản công và Thông tư số 23/2023/TT-BTC ngày 25/04/2023 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, tính hao mòn, khấu hao tài sản cố định tại cơ quan, tổ chức, đơn vị và tài sản cố định do nhà nước giao cho doanh nghiệp quản lý không tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp.

Đơn vị hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính trung thực, hợp pháp về các chứng từ kế toán, hồ sơ tuyển sinh, thực hiện bảo quản, lưu trữ toàn bộ hồ sơ chứng từ có liên quan. / *slr*

Nơi nhận: *ll*

- Trường TCN Tổng hợp HN;
- Sở Tài chính Hà Nội;
- Lưu: VT, KHTC.



Bạch Liên Hương